

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/6/2021

V/v: “Ly hôn, Tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H: Bà Nguyễn Thị Linh Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (Địa chỉ: Số 60 đường N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Số 03/22 đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H;

Chỗ ở hiện nay: Số 11 đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đôn L, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Số 03/22 đường P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28/02/2020, bản tự khai ngày 05/4/2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Ngọc H trình bày: Bà và ông Nguyễn Đôn L sau thời gian tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 4/1999, nhưng đến ngày 18/6/2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Sau khi kết hôn, vợ chồng làm nhà trên đất của cha, mẹ ông Linh tại số 03/22 đường P, phường P, thành phố H để ở. Quá trình chung sống vợ chồng với nhau hạnh phúc được khoảng 12 năm, đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông L thường xuyên say xỉn đánh đập vợ con và xúc phạm gia đình bên vợ, thời gian gần đây nhất vào ngày 06/01/2020 ông L đã đánh bà gây thương tích, đồng thời đuổi 03 mẹ con bà khỏi nhà. Từ đó, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên bà gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đôn L.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và anh Nguyễn Đôn L có 03 con chung: cháu Nguyễn Đôn Q, sinh ngày 11/01/2000; cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 22/01/2003 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/4/2004. Hiện nay cháu Nguyễn Đôn Q đang ở với ông Nguyễn Đôn L; còn hai cháu Nguyễn Thị Phương U và Nguyễn Thị Quỳnh N đang ở với bà. Nay các cháu Nguyễn Đôn Q và Nguyễn Thị Phương U đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung, các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu quyết định. Còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, hiện nay đang do bà trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Quỳnh N cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Đôn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Đôn L vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Đôn L không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, ngày 08/3/2021 Toà án đã có thông báo thụ lý vụ án số: 106/TB-TLVA và tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý và Giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải kể cả Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để ông Nguyễn Đôn L là bị đơn trong vụ án đến Toà án để làm việc, tham gia tố tụng, nhưng ông L vẫn không đến Toà án để trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Xét thấy: Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Đôn L, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, là thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H, xử cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Đôn L.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/4/2004 cho bà Trần Thị Ngọc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi; bà Trần Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Đôn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Còn các cháu Nguyễn Đôn Q, sinh ngày 11/01/2000 và cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 22/01/2003, hiện nay các cháu đều đã trưởng thành, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L tự thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L Không có nợ chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Đôn L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L sau thời gian tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 18/6/2002, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm, đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống mỗi người trái ngược nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, ông L có hành vi bạo lực gia đình và đã được chính quyền địa phương làm việc nhắc nhở; nên từ tháng 01/2020 bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ai biết bổn phận người đó.

Tại biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông Nguyễn Đôn L đang cư trú, cũng như lời khai của những người con trong gia đình đều trình bày nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa ông L, bà H là do tính tình không hợp, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ông L có hành vi bạo lực gia đình; nên từ đầu năm 2020 cho đến nay, bà H, ông L đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đã có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H, cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Đôn L.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L có 03 con chung: Cháu Nguyễn Đôn Q, sinh ngày 11/01/2000; cháu Nguyễn Thị Phương U, sinh ngày 22/01/2003 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/4/2004. Hiện nay cả hai cháu Nguyễn Đôn Q và Nguyễn Thị Phương U đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung, các cháu muốn ở với ai thì tùy các cháu quyết định. Còn cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, hiện nay đang do bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; nên cần giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N cho bà Trần Thị Ngọc H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu Nhi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Bà Trần Thị Ngọc H không yêu cầu ông Nguyễn Đôn L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L Không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Trần Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002289 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Bà Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H, cho bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Đôn L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 02/4/2004 cho bà Trần Thị Ngọc H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu Nguyễn Thị Quỳnh N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đôn L không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Nguyễn Đôn L không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Trần Thị Ngọc H đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2016/0002289 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Bà Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Án sơ thẩm xét xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND phường P, thành phố H (Bà H, ông L ĐKKH số: 36, ngày 18/6/2002);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Huỳnh Trọng Cẩn**

